**HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG BELARUS**

**MỤC LỤC**

[I. GIỚI THIỆU CHUNG](#_Toc320395745)

[1. Các thông tin cơ bản](#_Toc320395746)

[2. Lịch sử](#_Toc320395747)

[3. Du lịch:](#_Toc320395748)

[II. TÌNH HÌNH KINH TẾ](#_Toc320395749)

[1. Tổng quan:](#_Toc320395750)

[2. Các chỉ số kinh tế:](#_Toc320395751)

[III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI:](#_Toc320395753)

[1. Hiệp định đã ký giữa hai nước:](#_Toc320395754)

[2. Hợp tác thương mại](#_Toc320395755)

[IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM](#_Toc320395758)

[1. Quan hệ ngoại giao:](#_Toc320395759)

[2. Quan hệ chính trị:](#_Toc320395760)

[V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI](#_Toc320395761)

[VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH](#_Toc320395762)

# I. GIỚI THIỆU CHUNG

|  |  |
| --- | --- |
| Location of Belarus | C:\Users\Hung\Desktop\bo-map.gif |

### 1. Các thông tin cơ bản

|  |
| --- |
|  |

**Tên đầy đủ**: Cộng hòa Bê-la-rút (The Republic of Belarus)

**Thể chế chính trị:** Thể chế cộng hòa

**Thủ đô** : Min-xcơ (Minsk)

**Ngày quốc khánh** : 25 tháng 8 (1991)

**Đứng đầu nhà nước**A. G. Lu-ca-sen-cô (A. Lukashenko, 20/6/1994).

**Đứng đầu Chính phủ**: (Andrey KABYAKOW; 27/12/2014)

**Diện tích:**       207,600km2

**Khí hậu:**        Nằm trong vành đai khí hậu ôn đới, thuộc vùng chuyển tiếp giữa khí hậu lục địa và khí hậu biển nên mùa đông lạnh, mùa hè mát, ẩm, lượng mưa hàng năm 500-700 mm.

**Tài nguyên:**    gỗ, mỏ than bùn, một lượng nhỏ dầu và khí tự nhiên, đá granit, đá vôi dolomitic, đá phấn, cát, sỏi, đất sét

**Dân số:**                     9,608,058 (2013)

**Dân tộc :**                  Belarus 81,2%, Nga 11,4%, Ba Lan 3,9%, Ucraina 2,4%, khác 1,1%

**Tôn giáo:**    Chính Thống Đông giáo 80%, khác (bao gồm cả Công giáo

La Mã,Tin Lành, Do Thái, và Hồi giáo) 20%

**Tiền tệ** 1 USD = 10.2 RUB

**Ngôn ngữ :**               Belarus (chính thức) 36,7%, Nga (chính thức) 62,8%, khác 0,5% (baogồm các dân tộc thiểu số nhỏ nói tiếng Ba Lan và Ukraina)

### 

### 2. Lịch sử

Sau bảy thập kỷ là một nước cộng hòa thành phần của Liên Xô cũ, Bê la rút giành được độc lập vào năm 1991. Bê-la-rút là nước có quan hệ chính trị và kinh tế gần gúi với Nga hơn bất kỳ của nước cộng hòa khác của Liên Xô cũ. Bê la rút và Nga đã ký một hiệp ước về thống nhất hai nhà nước ngày 08 tháng 12 1999 hội nhập chính trị và kinh tế. Mặc dù Bê la rút đã đồng ý một khuôn khổ để thực hiện hiệp định, nghiêm trọng thực hiện vẫn chưa diễn ra. Kể từ khi cuộc bầu cử vào tháng Bảy năm 1994 là tổng thống đầu tiên của đất nước, A lếch xan đơ Lu ca sen Cô đã dần dần củng cố quyền lực của mình thông qua các phương tiện độc tài. Chính phủ hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí, hội họp hòa bình, và tôn giáo.

### 3. Du lịch:

# II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

### 1. Tổng quan:

Bê-la-rút là nước có tiềm lực công nghiệp, nông nghiệp, khoa học, giáo dục và quốc phòng khá lớn, đứng thứ 3 trong số các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ. Sau khi tách ra độc lập năm 1991, Bê-la-rút được thừa hưởng một số cơ sở kinh tế, quân sự và khoa học tương đối tốt của Liên Xô cũ và có thế mạnh trong các ngành cơ khí, điện tử, quang học, hóa chất, phân bón, gỗ, giấy, cao su.v.v…

Những năm đầu độc lập, Bê-la-rút lâm vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Từ 1994, Lãnh đạo Bê-la-rút chủ trương cải cách kinh tế từ từ, từng bước theo hướng kinh tế thị trường có điều tiết của nhà nước. Từ 1996, nền kinh tế Bê-la-rút dần phục hồi và bắt đầu tăng trưởng cao. Tuy còn gặp nhiều khó khăn trong giải quyết việc nhập khẩu năng lượng, đối phó với chính sách cấm vận kinh tế của Mỹ và phương Tây, kinh tế Bê-la-rút vẫn duy trì được mức tăng trưởng cao. Từ năm 2004 đến năm 2008, GDP tăng trung bình 9-10 %; năm 2008 GDP tăng 10%; sản xuất công nghiệp tăng 10,8%; sản xuất nông nghiệp tăng 8,9%; tỷ lệ lạm phát là 13,3 %/năm; thu hút được hơn 2 tỷ USD đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

Những tháng cuối năm 2008 đầu 2009, cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu đã tác động đáng kể đến nền kinh tế của Bê-la-rút. Đến cuối năm 2008 đã có 289 xí nghiệp (13,6%) hoàn toàn thua lỗ và 138 xí nghiệp khác đang trên bờ vực của thua lỗ. Nguyên nhân chủ yếu là do Bê-la-rút không xuất khẩu được, kể cả những mặt hàng truyền thống vốn được ưa chuộng và đem lại nguồn ngoại tệ chủ yếu cho nước này.

Để khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng kinh tế thế giới, Bê-la-rút đã kêu gọi sự trợ giúp của Nga và Quỹ tiền tệ thế giới. Nga đã đồng ý cho vay 2 tỷ USD (đã giải ngân 1 tỷ), Quỹ tiền tệ quốc tế cam kết cho vay 2,5 tỷ USD (đã chuyển 800 triệu) để làm quỹ dự phòng. Đây là lần đầu tiên sau 13 năm gián đoạn, Quỹ tiền tệ quốc tế nối lại việc cho Bê-la-rút vay tiền. Ngày 02/01/2009, Chính phủ buộc phải phá giá đồng rúp Bê-la-rút 20% so với đồng đô la Mỹ để tăng sức cạnh tranh của hàng hóa Bê-la-rút.

GDP  năm 2010 tăng 4,8% do tăng trưởng xuất khẩu. Vào tháng 12/2010, Bê-la-rút, Nga và Kazakhstan đã ký kết thỏa thuận thành lập Không gian kinh tế chung (Common Economic Space).

Năm 2011, một cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu, Chính phủ chỉ đạo tăng lương không theo kịp sự tăng năng suất tương xứng. Các cuộc khủng hoảng trở nên phức tạp bởi chi phí tăng lên của năng lượng từ phía Nga và một đồng rúp Belarus định giá quá cao, và cuối cùng dẫn đến một sự mất giá gần ba lần của đồng rúp Belarus vào năm 2011. Trong tháng 11 năm 2011, Belarus đồng ý bán cho Nga cổ phần còn lại trong Beltransgaz , các nhà điều hành đường ống dẫn khí đốt tự nhiên Belarus, để đổi lấy giảm giá cho khí đốt tự nhiên của Nga. Tiếp nhận hơn một nửa số nợ 3 tỷ USD từ (EurAsEC) Quỹ Bail-out Eurasian do Cộng đồng Kinh tế Nga nắm giữ, một khoản vay 1 tỷ USD từ nhà nước Nga và ngân hàng Sberbank, và 2,5 tỷ USD bán Beltranzgas để Nga và Gazprom đã giúp ổn định tình hình trong năm 2012; Tuy nhiên, đồng tiền của Belarus đã mất hơn 60% giá trị, tỷ lệ lạm phát đạt mức cao mới trong năm 2011 và 2012, trước khi bình ổn vào năm 2013. Tính đến tháng 1 năm 2014, đợt cuối cùng của khoản vay EurAsEC đã bị trì hoãn, nhưng trong Tháng 12 năm 2013 Nga đã công bố một khoản vay mới cho Belarus lên tới 2 tỷ USD cho năm 2014. Mặc dù có sự hỗ trợ của nước ngoài, nền kinh tế Belarus tiếp tục vật lộn dưới sức nặng của các khoản thanh toán cao bên ngoài trả nợ, thâm hụt thương mại tăng cao, tăng trưởng kinh tế trì trệ, và dự trữ ngoại tệ thấp .

### 

### Các chỉ số kinh tế:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2013** | | | **2014** |
| **GDP (ppp)** | **150.4 tỷ** | | | **171.2 tỷ** |
| **GDP (OER**) | **247.6** tỷ | | | **77.17** tỷ |
| **Tăng trưởng GDP** | **2.1%** | | | **0.9%** |
| **GDP theo đầu người** | **16,100** | | | **18,200** |
| **GDP theo ngành** | Nông nghiệp 7.3%; Công nghiệp 37%; Dịch vụ 55,7% | | | |
|  | | | | |
| **Lực lượng lao động** | **5 triệu** | | | |
| Phân bổ lao động theo ngành | Nông nghiệp 13%; Công nghiệp 36%; Dịch vụ 51% | | | |
|  | | | | |
| **Tỷ lệ thất nghiệp** | 1% | | **1%** | |
| **Tỷ lệ lạm phát** | 18.3 % | | **18.3%** | |
| **Mặt hàng nông nghiệp** | ngũ cốc, khoai tây, rau, củ cải đường, hạt lanh, thịt bò, sữa | | | |
| **Các ngành công nghiệp** | máy công cụ cắt kim loại, máy kéo, xe tải, earthmovers, xe máy, ti vi, sợi tổng hợp, phân bón, dệt may, radio, tủ lạnh | | | |
| **Tăng trưởng công nghiệp** |  | **1%** | | |
| **Tổng Kim ngạch XNK** | 54 tỷ USD | **87,23 tỷ USD** | | |
| **Kim ngạch xuất khẩu** | 24,49 tỷ USD | **37.89 tỷ USD** | | |
| **Mặt hàng chính** | máy móc, thiết bị, sản phẩm khoáng sản, hóa chất, kim loại, dệt may, thực phẩm | | | |
| **Bạn hàng XK chính** | Nga 35,4%, Hà Lan 16,4%, U-CRAI-NA 12,1%, Latvia 7,1% | | | |
| **Kim ngạch nhập khẩu** | 29,79 tỷ USD | **40.47tỷ USD** | | |
| **Mặt hàng chính** | sản phẩm khoáng sản, máy móc, thiết bị, hóa chất, thực phẩm, kim loại | | | |
| **Bạn hàng NK chính** | Nga 59,4%, Đức 5,9%, Ukraine 5%, Trung Quốc 5,1% | | | |

# III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI:

### 1. Hiệp định đã ký giữa hai nước:

* Hiệp định về các chuyến bay giữa và qua lãnh thổ hai nước (ký ngày 15/10/1978)
* Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (ký ngày 21/01/1992).
* Hiệp định hàng hải (ký ngày 31/3/1992).
* Hiệp định về hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật (ký ngày  20/4/1992).
* Hiệp định hợp tác bưu điện và viễn thông (ký ngày 20/4/1992).
* Hiệp định thương mại (ký ngày 11/8/1992).
* Hiệp định thanh toán song phương giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Quốc gia của Malaysia (ký tháng 3/1993).
* Hiệp định hợp tác Khoa học, công nghệ về Môi trường (tháng 12/1993).
* Hiệp định về hợp tác du lịch (ký ngày 13/4/1994).
* Hiệp định hợp tác văn hoá (ký tháng 4/1995).
* Hiệp định tránh đánh thuế trùng (ký 07/9/1995).
* Hiệp định hợp tác Thanh niên và Thể thao (ký 14/6/1996).
* Hiệp định về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông (25/9/2001).

### 2. Hợp tác thương mại

Trong những năm gần đây, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Belarus có xu hướng tăng, nhưng không ổn định (năm 2008 tăng 48% so với năm 2007, năm 2009 giảm 85% so với 2008, năm 2010 tăng 31% so với 2009, năm 2011 tăng 111% so với năm 2010, năm 2012 giảm 17% so với năm 2011).

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Belarus năm 2011 đạt 210,5 triệu USD, tăng 111% so với năm 2010. Trong đó, nhập khẩu của Việt Nam từ Belarus đạt 199,3 triệu USD, tăng 133% so với 2010; xuất khẩu từ Việt Nam sang Belarus chỉ đạt 11,2 triệu USD, giảm 22%.

Trong năm 2012, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và Belarus đạt hơn 174,4 triệu USD, giảm 17,1% so với năm 2012. Trong đó, Belarus xuất khẩu đạt 167,1 triệu USD, Việt Nam xuất khẩu đạt 7,3 triệu USD. Năm 2012 Việt Nam nhập siêu từ Belarus 159,8 triệu USD.

Trong quý I năm 2013 kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Belarus vào Việt Nam đạt 89,7 triệu USD, tăng tới 248,7% so với cùng kỳ năm 2012. Số liệu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Belarus đang được cập nhật.

Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Belarus có tính bổ sung cho nhau. Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Belarus hàng nông sản, đồ gỗ, gạo, hàng dệt may, cao su tự nhiên, giày dép, rau quả hộp, hạt điều, lạc, hạt tiêu, gia vị, chè,...Belarus cung cấp cho Việt Nam chủ yếu phân kali, máy móc, phương tiện vận tải./.

**-    Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính năm 2014**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Tổng** |
| Phân bón các loại  Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác  Linh kiện, phụ tùng ô tô | Tấn  USD  USD | 230.589 | 77.407.438  4.091.953  1.751.076  **93.162.270** |

### IV. QUAN HỆ CHÍNH TRỊ, NGOẠI GIAO

### 1. Quan hệ ngoại giao:

Ngày 27/12/1991, Việt Nam công nhận độc lập của Bê-la-rút. Ngày 24/1/1992, Việt Nam và Bê-la-rút thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ. Bê-la-rút đã lập Đại sứ quán tại Việt Nam từ năm 1998. Ta đã lập Đại sứ quán tại Bê-la-rút tháng 10/2003 và cử Đại sứ thường trú đầu tiên tại Bê-la-rút tháng 3/2005.

Việt Nam và Bê-la-rút có mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt tốt đẹp. Hai nước đã ký nhiều Hiệp định và Thỏa thuận hợp tác tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho việc thúc đẩy hợp tác song phương.

### 2. Quan hệ chính trị:

Chủ tịch nước Trần Đức Lương (tháng 8/1998),

Thủ tướng Phan Văn Khải (tháng 9/2000),

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (tháng 10/2002),

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (tháng 1/2003),

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng (28-30/4/2009),

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải ( 15-17/10/2009) đã thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Bê-la-rút.  
Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (tháng 5/2010) thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Bê-La-rút

**Phía Bê-la-rút:**

Tổng thống A.G. Lu-ca-sen-cô (tháng 4/1997),

Thủ tướng X.X. Xi-đo-rơ-xki (tháng 11/2004),

Chủ tịch Hội đồng Cộng hoà Quốc hội G.V. Nô-vít-xki (tháng 5/2005),

Đặc phái viên của Tổng thống A.G. Lu-ca-sen-cô,

Chủ tịch Hạ viện V.N. Cô-nốp-li-ốp (2/2006) đã thăm chính thức Việt Nam;

Bên cạnh đó, nhiều đoàn Lãnh đạo các Bộ, ngành và địa phương hai nước đã sang thăm, làm việc, dự hội nghị, hội thảo ở Việt Nam và Bê-la-rút.

Trong năm 2008, quan hệ hai nước phát triển mạnh trên mọi lĩnh vực: Tháng 4/2008, Tổng thống A.G.Lu-ca-sen-cô thăm chính thức Việt Nam lần thứ 2; hai bên đã ký 13 văn kiện hợp tác, tiếp tục củng cố cơ sở pháp lý cho mối quan hệ song phương; ký và thông qua kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác Việt Nam – Bê-la-rút đến năm 2010.

**V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI**

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam đã ký thỏa thuận hợp tác với PTM và CN Belarus năm 1998.

# 

# VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

* **Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Cộng hòa Bê-la-rút**
* Địa chỉ: Belarus, Minsk 220040 Mozaiskogo str., 3  
  Code: 00375 17  
  Điện thoại/ fax: 237 48 79  
  Email: dsqvn.belarus@mofa.gov.vn  
  Website: http://www.vietnamembassy-belarus.org/
* **Đại sứ quán Cộng hòa Bê-la-rút tại Việt Nam**
* Địa chỉ: 66 Tô Ngọc Vân Tây Hồ, Hà Nội  
  Tel: 04 37186856

Email:    vietnam@belembassy.org

* **Các nguồn thông tin tham khảo**

*\*Website* [*CIA – The World Factbook*](https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/bo.html)

*\*Website* [*Bộ Ngoại giao Việt Nam*](http://www.mofa.gov.vn/vi/cn_vakv/euro/nr040819111004/ns110920150713)

*\*Website* [*Sứ quán Việt nam tại Bê la rút*](http://www.vietnamembassy-belarus.org/vi/)

*\*Website* [*Tổng cục Thống kê Việt Nam*](http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=217)